

CỤC HÀNG HẢI VIỆT NAM  
CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ



VINAMARINE

**QUY TRÌNH  
THU PHÍ, LỆ PHÍ HÀNG HẢI**

	<b>MÃ SỐ</b>	:	<b>QT.TV.01</b>	
	<b>LẦN BAN HÀNH</b>	:	<b>01</b>	
	<b>NGÀY BAN HÀNH</b>	:	<b>10/02/2015</b>	
	<b>TRANG</b>	:	<b>1/10</b>	

	<b>BIÊN SOẠN</b>	<b>SOÁT XÉT</b>	<b>PHÊ DUYỆT</b>
<b>Chữ ký</b>			
<b>Họ tên</b>	<i>Dương Thị Lụa</i>	<i>Võ Minh Tiến</i>	<i>Lê Minh Kháng</i>
<b>Chức danh</b>	<b>Trưởng phòng</b>	<b>Phó Giám đốc</b>	<b>Giám đốc</b>



 <p><b>VINAMARINE</b> CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p><b>QUY TRÌNH THU PHÍ, LỆ PHÍ HÀNG HẢI</b></p>	<p>MS: QT.TV.01 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 3/10</p>
---	--	--

## **1. MỤC ĐÍCH**

Quy trình này nhằm thống nhất trình tự thực hiện thu phí, lệ phí hàng hải của Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.

## **2. PHẠM VI ÁP DỤNG**

Quy trình này được áp dụng đối với viên chức thực hiện nhiệm vụ thu phí thuộc Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ, các đại lý, đơn vị và cá nhân có liên quan.

## **3. CƠ SỞ PHÁP LÝ VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO**

- Bộ Luật Hàng hải Việt Nam ban hành ngày 14/6/2005;
- Nghị định số 128/2004/NĐ-CP ngày 31/5/2004 của Chính phủ quy định chi tiết hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Kế toán áp dụng trong lĩnh vực kế toán Nhà nước;
- Thông tư số 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 và Thông tư số 45/2006/TT-BTC ngày 25/5/2006 sửa đổi, bổ sung Thông tư 63/2002/TT-BTC ngày 24/7/2002 của Bộ tài chính hướng dẫn thực hiện các quy định pháp luật về phí, lệ phí;
- Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc in, phát hành, quản lý và sử dụng các loại chứng từ thu tiền phí, lệ phí thuộc ngân sách nhà nước;
- Thông tư số 132/2013/TT-BTC ngày 19/9/2013 của Bộ tài chính quy định chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển, kế hoạch an ninh cảng biển và cấp lý lịch liên tục của tàu biển;
- Thông tư số 155/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 Quy định về thời hạn bảo quản hồ sơ tài liệu hình thành phổ biến trong hoạt động của ngành tài chính;
- Quyết định số 84/2005/QĐ-BTC ngày 28/11/2005 của Bộ Tài chính về quy định chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí thẩm định hồ sơ mua bán tàu biển và lệ phí đăng ký tàu biển, cấp bằng, chứng chỉ liên quan đến hoạt động tàu biển và công bố cảng biển và QĐ số 62/2006/QĐ-BTC ngày 06/11/2006 về sửa đổi bổ sung QĐ số 84/2005/QĐ-BTC ngày 28/11/2005 của Bộ Tài chính;
- Quyết định số 98/2008/QĐ-BTC ngày 04/11/2008 của Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành quy định về phí, lệ phí hàng hải và biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải.



**VINAMARINE**  
CẢNG VỤ HÀNG HẢI  
CẦN THƠ

**QUY TRÌNH  
THU PHÍ, LỆ PHÍ HÀNG HẢI**

MS: QT.TV.01  
Lần ban hành:01  
Ngày: 10/02/2015  
Trang: 4/10

**4. ĐỊNH NGHĨA/VIẾT TẮT**

**4.1 Định nghĩa:** Không áp dụng.

**4.2 Chữ viết tắt:**

- TT-153: Thông tư số 153/2012/TT-BTC ngày 17/9/2012.

**5. NỘI DUNG**

**5.1 Lưu đồ**

Bước công việc	Trách nhiệm	Trình tự	Biểu mẫu, tài liệu liên quan
Bước 1	Kế toán thu		QT.PC.03 QT.PC.04 QT.PC.05 QT.PC.08 QT.PC.09 QT.PC.10 QT.PC.12 QT.AT&TTHH.02
Bước 2	Kế toán thu		BM.TV.01.Mẫu 01-PL01.TT153 BM.TV.01.Mẫu 02-PL01.TT153 BM.TV.01.Mẫu 03-PL01.TT153
Bước 3	Người có thẩm quyền		BM.TV.01.Mẫu 01-PL01.TT153 BM.TV.01.Mẫu 02-PL01.TT153 BM.TV.01.Mẫu 03-PL01.TT153
Bước 4	Kế toán thu/Thủ quỹ		BM.TV.01.Mẫu 01-PL01.TT153 BM.TV.01.Mẫu 02-PL01.TT153 BM.TV.01.Mẫu 03-PL01.TT153
Bước 5	Phòng Tài vụ		BM.TV.01.Mẫu 01-PL01.TT153 BM.TV.01.Mẫu 02-PL01.TT153 BM.TV.01.Mẫu 03-PL01.TT153

 <p><b>VINAMARINE</b> CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p><b>QUY TRÌNH THU PHÍ, LỆ PHÍ HÀNG HẢI</b></p>	<p>MS: QT.TV.01 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 5/10</p>
---	--	--

## **5.2 Thuyết minh lưu đồ**

### **5.2.1 Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ tàu**

Kế toán thu phí nhận hồ sơ tàu từ viên chức phòng Pháp chế, kiểm tra các dữ liệu đầy đủ được quy định trong hồ sơ tàu. Trường hợp có những phát sinh bất thường kế toán thu phí xin ý kiến của lãnh đạo.

### **5.2.2 Bước 2: Lập biên lai và kiểm tra biên lai**

Kế toán thu phí tiến hành lập biên lai:

- Biểu mức thu phí, lệ phí hàng hải hiện hành;
- Biểu mức miễn/giảm (nếu có).

### **5.2.3 Bước 3: Ký biên lai thu**

Kế toán thu phí lập, kiểm tra, in biên lai, trình người có thẩm quyền ký và giao các liên biên lai theo qui định cho chủ tàu, chủ hàng hoặc đại diện.

### **5.2.4 Bước 4: Thu nộp phí và lệ phí**

a) Thu phí, lệ phí bằng hình thức chuyển khoản:

Kế toán thu phí tại cảng vụ sau khi lập biên lai chuyển biên lai đã lập sang kế toán công nợ theo dõi công nợ.

Kế toán thu phí tại Đại diện, Trạm Cảng vụ sau khi lập biên lai sẽ gửi biên lai đã phát hành bằng Fax chuyển về phòng Tài vụ theo dõi công nợ. Định kỳ vào ngày 15, 25 mỗi tháng Kế toán thu tại Đại diện, Trạm cảng vụ chuyển biên lai đã phát hành về phòng Tài vụ để phòng Tài vụ tập hợp báo cáo thuế theo định kỳ.

Kế toán công nợ nhận chứng từ phát sinh tại ngân hàng về đối chiếu nợ, theo dõi công nợ với các đơn vị, đại lý có thỏa thuận thu phí, lệ phí với Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ.

b) Thu phí, lệ phí bằng tiền mặt:

- Kế toán thu tại cảng vụ lập phiếu thu chuyển thủ quỹ thu tiền.
- Kế toán thu tại Đại diện, Trạm căn cứ số thu trên biên lai định kỳ hàng tuần nộp tiền vào tài khoản đơn vị.

c) Nộp phí, lệ phí vào Ngân sách Nhà nước

Từ ngày 05 đến ngày 20 hàng tháng, phòng Tài vụ lập tờ khai thu phí, lệ phí của tháng trước nộp về Cục thuế và căn cứ vào tờ khai nộp Ngân sách Nhà nước.

 <p><b>VINAMARINE</b> CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p><b>QUY TRÌNH THU PHÍ, LỆ PHÍ HÀNG HẢI</b></p>	<p>MS: QT.TV.01 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 6/10</p>
---	--	--

### 5.2.5 Bước 5: Lưu hồ sơ:

Kế toán thu lưu Biên lai theo Thông tư 155/2013/TT-BTC.

## 6. BIỂU MẪU

TT	Tên biểu mẫu	Mã hiệu
1	Biên lai thu phí, lệ phí hàng hải	BM.TV.01.Mẫu 01-PL01.TT153
2	Biên lai thu tiền phí, lệ phí Cảng vụ nội địa	BM.TV.01.Mẫu 01-PL01.TT153
3	Biên lai thu tiền phí, lệ phí (Phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển)	BM.TV.01.Mẫu 01-PL01.TT153

## 7. HỒ SƠ LƯU

TT	Hồ sơ lưu
1	Biên lai thu phí, lệ phí hàng hải
2	Biên lai thu tiền phí, lệ phí Cảng vụ nội địa
3	Biên lai thu tiền phí, lệ phí (Phí thẩm định, phê duyệt đánh giá an ninh cảng biển)

Hồ sơ được lưu tại phòng Tài vụ trong thời gian 5 năm.

 <b>VINAMARINE</b> <b>CẢNG VỤ HÀNG HẢI</b> <b>CẦN THƠ</b>	<b>QUY TRÌNH</b> <b>THU PHÍ, LỆ PHÍ HÀNG HẢI</b>	MS: QT.TV.01 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 7/10
---	---	--

**BM.TV.01.Mẫu 01-PL01.TT153**

**Vinamarine**  
Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ  
Maritime administration of Can Tho  
Mã số thuế (Tax code): 1800156008

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
Independence - Freedom - Happiness

Mẫu số (From):  
Ký hiệu (Seri):  
Số (No):

**BIÊN LAI THU PHÍ, LỆ PHÍ HÀNG HẢI**  
**Receipt of Maritime dues and fees**

Liên 1: Lưu tại cơ quan thu ( Copy 1: File)

Tên tàu (Name of ship):	Cảng đến (Arrival port):
Quốc tịch ( Nationality of ship):	Cảng rời (Last Port):
Hô hiệu (Callsign):	Cảng đến tiếp theo (Next port):
Đại lý (Agent) :	Ngày đến (Date of arrival):
Chủ tàu hoặc chủ hàng (Ship owner or Cargo Owner):	Ngày rời (Date of departure):
GRT:                                      DWT:	Hàng hóa xếp, dỡ (Cargo):      (T)

Các khoản phí (Designation)	Thành tiền (Amount)		Ghi chú (Remarks)
	USD	VND	
<b><i>I- Phí cảng vụ : (Port dues)</i></b>			
1. Phí trọng tải (Tonnage fee)			
- Lướt vào (Inward)			
- Lướt rời (Outward)			
2. Phí neo đậu (Anchorage fee)			
- Đối với phương tiện (On ship)			
- Đối với hàng hóa (On cargo)			
3. Phí sử dụng cầu, bến, phao neo (Buoy/Wharf fee)			
- Đối với phương tiện (On ship)			
- Đối với hàng hóa (On cargo)			
- Đối với hành khách (On passenger)			
4. Lệ phí ra, vào cảng biển (Clearance fee)			
5. Lệ phí chứng thực (Kháng nghị hàng hải) (Seaprotest fee)			
<b><i>II. phí bảo đảm hàng hải (Aids to navigation fee)</i></b>			
- Lướt vào (Inward)			
- Lướt rời (Outward)			
<b><i>III. phí hoa tiêu (Pilot fee)</i></b>			
Từ (from).....đến (to).....			
Từ (from).....đến (to).....			

 <p><b>VINAMARINE</b> CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p><b>QUY TRÌNH THU PHÍ, LỆ PHÍ HÀNG HẢI</b></p>	<p>MS: QT.TV.01 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 8/10</p>
---	--	--

Phí bổ sung(Adding fee)			
<b>Tổng cộng (Total)</b>			

Số tiền viết bằng chữ (In words)

VND:.....

USD:.....

Ngày (date).....

**Chủ tàu chủ hàng hoặc đại diện**  
(Ship owner, Cargo owner or Representative)

**Người lập biên lai**  
(Prepared by)

**Giám đốc**  
(Director)

Ký và ghi rõ họ tên  
(Signature and name)

Ký và ghi rõ họ tên  
(Signature and name)

Ký và ghi rõ họ tên  
(Signature and name)



 <p><b>VINAMARINE</b> CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p><b>QUY TRÌNH THU PHÍ, LỆ PHÍ HÀNG HẢI</b></p>	<p>MS: QT.TV.01 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 9/10</p>
---	--	--

**BM.TV.01.Mẫu 02-PL01.TT153**

Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ  
14/11 Lê Hồng Phong Phường Bình  
Thủy, Q. Bình Thủy, TPCT  
Mã số thuế (Tax code): 1800156008

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số (From):  
Ký hiệu (Seri):  
Số (No):

**BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ CẢNG VỤ NỘI ĐỊA**

Liên 1: Lưu tại cơ quan thu

Tên đơn vị hoặc người nộp tiền:.....

Địa chỉ:.....

Hình thức thanh toán:.....

Các khoản phí	Thành tiền	Ghi chú
1. Phí trọng tải		
2. Phí thủ tục		
3. Phí đăng ký và cấp số thuyền viên		
Tổng cộng		

Số tiền viết bằng chữ (VNĐ).....

.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....

Người thu tiền

(Ký, ghi rõ họ, tên)

 <p><b>VINAMARINE</b> CẢNG VỤ HÀNG HẢI CẦN THƠ</p>	<p><b>QUY TRÌNH THU PHÍ, LỆ PHÍ HÀNG HẢI</b></p>	<p>MS: QT.TV.01 Lần ban hành:01 Ngày: 10/02/2015 Trang: 10/10</p>
---	--	---

**BM.TV.01.Mẫu 03-PL01.TT153**

Cảng vụ Hàng hải Cần Thơ  
14/11 Lê Hồng Phong Phường Bình  
Thủy, Q. Bình Thủy, TPCT  
Mã số thuế (Tax code): 1800156008

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mẫu số (From):  
Ký hiệu (Seri):  
Số (No):

**BIÊN LAI THU TIỀN PHÍ, LỆ PHÍ**  
**PHÍ THÂM ĐỊNH, PHÊ DUYỆT ĐÁNH GIÁ AN NINH CẢNG BIÊN**  
Liên 1: Lưu tại cơ quan thu

Tên đơn vị hoặc người nộp tiền:.....  
Địa chỉ:.....  
Số tiền:.....  
(Viết bằng chữ):.....  
.....  
Lý do thu:.....  
Hình thức thanh toán:.....

Ngày.....tháng.....năm 20.....  
Người thu tiền  
(Ký, ghi rõ họ, tên)